

Bản án số: 27/2019/DS-PT

Ngày: 26 / 02 /2019

V/v “Chia di sản thừa kế”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Thái Thị Huyền Trân

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thý Hà

Ông Cao Minh Lễ

Thư ký Toà án ghi B bản phiên toà: Bà Lê Tường Vi - Cán bộ Tòa án tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên

Trong các ngày 20 đến ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2017/TLPT-DS về việc tranh chấp “Chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định xét xử phúc thẩm số 155/2018/QĐ-PT ngày 09/7/2018, thông báo mở lại phiên tòa số 1190/2018/TBST-DS ngày 30/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12/2019/ QĐ-HPT ngày 21/ 01/2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Đức Q (Nguyễn Đức Th, Đức Q, Ba Th), sinh năm 1927. Cư trú số 394/11, khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

Người đại diện ủy quyền ông Trần Đức Q: Bà Trần Thị Mỹ Th, sinh năm 1961. Cư trú Khóm Vĩnh T, phường Núi S, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Mỹ L (Cao Thị Mỹ L, Cao Thị Th B), sinh năm 1960. Cư trú số 394/11 khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Mỹ L: Luật sư Hứa Hoàng Ch -Văn phòng Luật sư Hứa Hoàng Ch, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Mỹ H (Cao Thị Th T, Cao Thị Th X, sinh năm 1961. Cư trú số 203, khóm Sơn Đ, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Mỹ H: Luật sư Hứa Hoàng Ch -Văn phòng Luật sư Hứa Hoàng Ch, Đoàn Luật sư tỉnh An

Giang (Có mặt).

Bà Trần Thị Mỹ Lo (Trần Thị Lo, Trần Thị Th) sinh năm 1958. Cư trú Khóm Trà S, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Bà Trần Thị Mỹ Th (Trần Thị Ng, Trần Mỹ V), sinh năm 1961. Cư trú số 856, khóm Vĩnh T, phường Núi S, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang (Có mặt).

Bà Trần Thị Mỹ Hu (Trần Thị Th Ng), sinh năm 1956. Cư trú khóm Trà S, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang (Có mặt).

Ông Thái Quốc Ch, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị Hu, sinh năm 1941. Cùng cư trú khóm 06, thị trấn Tri T, huyện Tri T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

Ông Trần Thanh V (Nguyễn Quan V), sinh 1959 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V có:

Bà Dương Thị N sinh năm 1961. (Có mặt)

Bà Trần Thị Mỹ Ph sinh năm 1986 và bà Trần Thị Mỹ H sinh năm 1990. Cùng cư trú khóm Trà S, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

Người đại diện ủy quyền cho Trần Thị Mỹ Ph, Trần Thị Mỹ H: bà Dương Thị N. (Có mặt)

Ủy ban nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

-Người kháng cáo:

Ông Trần Đức Q là nguyên đơn. Bà Trần Thị Mỹ L là bị đơn. Bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị Mỹ Lo, bà Trần Thị Mỹ Hu, bà Trần Thị Mỹ Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ Ph, bà Trần Thị Mỹ H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn ông Trần Đức Q trình bày yêu cầu khởi kiện:

Bà Lê Thị Kh sống vợ chồng với ông Cao Văn Hư có 02 người con tên Trần Thị Mỹ L và Trần Thị Mỹ H. Ông Trần Đức Q sống vợ chồng với bà Nguyễn Thị M có 04 người con tên Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thị Mỹ Lo, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thanh V. Năm 1961 ông Hư chết, năm 1963 bà M chết, đến năm 1964 ông Trần Đức Q về chung sống vợ chồng với bà Lê Thị Kh tại khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. Khi về sống chung ông Q có dẫn theo 04 con. Quá trình chung sống ông Q làm nghề chạy xe Daihatshu, còn bà Kh mua bán cơm tại chợ Nhà B vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng các con riêng đến khôn lớn và cho của cải khi các con lập gia đình sống riêng tư ổn định.

Vợ chồng cùng tạo lập được một số tài sản chung như sau:

- 01 căn nhà một trệt, một lầu số 394/11 gắn liền diện tích 119 m² loại đất (ODT) tọa lạc tại chợ Nhà B, khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. Nhà và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

- 01 căn nhà tường gác lầu tại đầu đường chợ Nhà B, khóm Thới H, thị

trần Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang có diện tích 11,8m² hiện con Trần Thị Mỹ L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở năm 2004.

- Diện tích đất vườn 1.110m² đất tại xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Kh năm 2004.

Vào tháng 12 năm 2004, bà Lê Thị Kh bị bệnh và chết, nội bộ gia đình có họp mặt thống nhất giao toàn bộ số tài sản trên cho Trần Thị Mỹ L trực tiếp quản lý để thờ cúng mẹ và chăm sóc cha cho đến khi qua đời. Đến tháng 01 năm 2005 Trần Thị Mỹ L có thái độ bất hiếu đã hắt hủi, không chăm sóc cha không làm tròn trách nhiệm của người làm con nên phát sinh tranh chấp. Nay ông Q yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Kh theo pháp luật vì bà chết không có di chúc. Ông Q nhận hiện vật làm kỉ niệm và hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác theo quy định pháp luật.

2. Bị đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Bà và bà H là con ruột của bà Lê Thị Kh với ông Cao Văn Hư. Nguồn gốc tài sản tranh chấp là của cha mẹ bà tạo lập trước khi ông Q về sống chung với bà Kh. Bà Kh và ông Hư có cất sẵn một căn nhà lá trên nền đất tại chợ Nhà B, khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. Năm 1961, ông Hư đi lính chết tại Gò Công. Năm 1964, ông Trần Đức Q về sống vợ chồng với bà Kh, có dẫn theo 03 người con tên Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thanh V, Trần Thị Mỹ Th về sống chung một nhà. Riêng Trần Thị Mỹ Lo đã cho người bà con bên ngoại nuôi từ nhỏ. Năm 1970, bà Kh và ông Q đã dỡ căn nhà lá để xây mới lại căn nhà một trệt một lầu trên nền đất cũ có diện tích 119 m². Bà Kh, ông Q cùng 05 người con sống chung đến khôn lớn và lập gia đình sống riêng tư ổn định. Bà L sống chung nhà với cha mẹ, bà chăm sóc cha mẹ cho đến khi bà Kh bị bệnh và qua đời. Hiện bà đang quản lý nhà và đất và chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Sau này, bà L mới biết nguồn gốc đất gia đình đang ở là của ông Thái Quyết Ch. Hàng năm, ông Ch có đến lấy tiền thuê đất. Năm 2003, bà L đứng ra sang nhượng lại phần đất với ông Ch giá 5 chỉ vàng 24kra nhưng trong giấy tay sang nhượng đất bà L để tên cha Trần Đức Q là người mua đất. Bà L đồng ý chia thừa kế di sản của bà Kh là giá trị căn nhà, còn phần đất 119m² là tài sản riêng của cha Hư tạo lập để lại nên không đồng ý chia tài sản này.

Năm 1990, Nhà nước có chủ trương xây dựng khu phố thẩm mỹ nên quán kiot đầu chợ Nhà B được xây dựng lại, bà Kh đã tặng riêng cho con L cái quán này diện tích khoảng 11,8m². Bà L đã được cấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất năm 2004. Bà L không đồng ý chia tài sản này vì đây là tài sản riêng của bà.

Đối với diện tích đất 1.110m² đất (LNK) xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị Kh là tài sản của bà L bỏ tiền mua đất nhưng để mẹ Lê Thị Kh đứng tên, bà L đồng ý chia thừa kế tài sản này.

Bà L yêu cầu nhận toàn bộ hiện vật di sản, hoàn lại giá trị kỷ phần cho đồng thừa kế khác.

- Bà Trần Thị Mỹ L có yêu cầu phản tố đối với ông Trần Đức Q như sau:
+Yêu cầu ông Q trả lại cho bà L 01 mặt dây chuyền có trọng lượng 05 chỉ vàng 24kra, 01 chiếc xe Dream ông Q đã lấy bán giá 18.500.000 đồng. Chiếc xe này do bà L đứng tên chủ sở hữu.

+Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với số vàng 25 chỉ vàng 24kra và 16 chỉ vàng 18kra là tài sản của bà Kh tạo lập do ông Q giữ và đã tự bán sử dụng riêng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố của mình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Mỹ H trình bày:

Bà là con ruột của bà Lê Thị Kh và Cao Văn Hu là em của bà L. Nguồn gốc đất có từ thời bên nội để lại cho cha là Cao Văn Hu. Năm 1961 ông Hu mất, năm 1964 thì ông Q mới về chung sống vợ chồng với bà Kh. Bà H thống nhất theo lời trình bày của bà L. Bà đồng ý nhận giá trị kỹ phần thừa kế của bà Kh.

3.2. Ông Thái Quyết Ch, Bà Nguyễn Thị Hu trình bày:

Ông Ch có trích lục địa bộ đất đứng tên ông nội Thái Văn Đ cấp năm 1971 có diện tích 0,96 ha, đất tọa lạc trong khu chợ Nhà B, hiện nay có khoảng 50-60 hộ gia đình đang cất nhà ở trên đất. Ông Ch đã gửi đơn khiếu nại đòi lại đất cũ nhưng chưa được cơ quan nào giải quyết. Trước đây ông Ch có đến khu đất chợ Nhà B để Th tiên hương hỏa, các gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không đóng tiền thuê đất cho ông. Năm 2003, bà Trần Thị Mỹ L có thỏa Thân sang nhượng phần đất 119m² giá 5 chỉ vàng 24kra, ông và bà L có làm giấy tay mua bán diện tích đất nhưng ghi tên người mua đất là ông Q. Ông bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Ông bà xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

3.3 Bà Trần Thị Mỹ Lo, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thị Mỹ Hu cùng trình bày:

Các bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của mẹ Lê Thị Kh chết để lại gồm 01 căn nhà và đất tọa lạc tại chợ Nhà B, huyện Tịnh B và phần đất vườn xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. Các bà đã được cha Q mẹ Kh nuôi dưỡng từ nhỏ cho ăn học đến khôn lớn nên người và lập gia đình sống riêng tư ổn định nên đã xác lập quan hệ cha mẹ với các con riêng của vợ và chồng.

3.4. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V có bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph cùng trình bày:

Ông Trần Thanh V sống chung vợ chồng với bà Dương Thị N có 02 con chung Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph. Ông V chết năm 2011 chết sau bà Kh nên các bà yêu cầu ông V được nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh theo pháp luật do ông Trần Thanh V là con được bà Kh nuôi dưỡng từ nhỏ. Bà N được các con ủy quyền đại diện nhận giá trị kỹ phần thừa kế của ông V được thừa hưởng của bà Kh. Di sản thừa kế gồm có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại chợ Nhà B và phần đất vườn xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

3.5 Ủy ban nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang trình bày ý kiến:

Quyền sử dụng đất diện tích 119m² có ghi vào sổ mục kê ghi tên Trần Đức Q, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của UBND thị trấn Nhà B, của huyện và các đối tượng có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đến liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký. Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Mỹ L diện tích 11,8m² (ODT) hiện nay bà L đang bán quán nước đầu chợ Thị trấn Nhà B và bà Lê Thị Kh diện tích 1.110m² đất (LNK) tọa lạc xã Thới S là hoàn toàn đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Ủy ban không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

Tại bản án số 18/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức Q về việc chia di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh.

2. Bác yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Trần Thị Mỹ Lo về việc đòi chia di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập về việc chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thị Mỹ Th, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V về việc chia giá trị căn nhà và đất có diện tích 119 m² tọa lạc tại khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, An Giang và giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.110m² tọa lạc tại xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Mỹ L về việc đòi ông Trần Đức Q trả số vàng và yêu cầu chia di sản là vàng gồm 30 chỉ vàng 24kra và 16 chỉ vàng 18kra.

5. Công nhận ông Trần Đức Q và bà Lê Thị Kh có tạo lập được các tài sản chung:

- Căn nhà số 394/11 gắn liền với đất diện tích 119m² tọa lạc khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.

- Diện tích đất 1.110m² loại đất (CLN) tọa lạc xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

6. Công nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh gồm có các tài sản sau:

- ½ căn nhà gắn liền với đất diện tích 119m² tọa lạc khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, An Giang, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- ½ diện tích đất 1.110m² tọa lạc tại xã Thới S, huyện Tịnh B.

7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Kh gồm có:

Ông Trần Đức Q, Bà Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thị Mỹ H, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V gồm Bà Dương Thị N vợ và con Trần Thị Mỹ H và Trần Thị Mỹ Ph.

8. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh:

Bà Trần Thị Mỹ L được nhận hiện vật gồm căn nhà gắn liền với đất diện tích 119m² và đất vườn 1110m². Bà L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho các thừa kế khác như:

- Hoàn lại kỹ phần cho ông Trần Đức Q số tiền 362.038.000 đồng.

- Hoàn lại kỹ phần cho các bà Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thị Mỹ H, thừa kế của ông Trần Thanh V có bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H và Trần Thị Mỹ Ph, mỗi người nhận kỹ phần thừa kế của mình là 51.719.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí cho Ông Trần Đức Q, hoàn trả lại cho ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.800.000 đồng theo biên lai thu ngày 12/9/2006 của Thi hành án dân sự huyện Tịnh B nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Bà Trần Thị Mỹ L được hoàn trả 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 038414 ngày 26/10/2006 của Thi hành án dân sự nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Bà Trần Thị Mỹ Lo phải chịu án phí 29.439.500 đồng, khấu trừ vào 200.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005399 ngày 27/9/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh B, bà Lo còn phải nộp thêm 29.239.500 đồng.

- Bà Trần Thị Mỹ Hu, Bà Trần Thị Mỹ Th, các thừa kế ông V (gồm Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph), mỗi người phải chịu án phí là 2.478.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí của mỗi người đã nộp 200.000 đồng theo các biên lai thu số 006501, 005398, 005400 cùng ngày 27/9/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B. Như vậy, bà Hu, bà Th, các thừa kế ông V (gồm Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph) mỗi người phải nộp là 2.278.000 đồng. (Hai triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 23 tháng 4 năm 2018 ông Trần Đức Q, bà Trần Thị Mỹ Lo, bà Trần Thị Mỹ Hu, bà Trần Thị Mỹ Th, bà Dương Thị N, bà Trần Thị Mỹ Ph, bà Trần Thị Mỹ H kháng cáo bản án số 18/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. Ngày 19 tháng 4 năm 2018 của bà Trần Thị Mỹ L và bà Trần Thị Mỹ H kháng cáo

bản án số 18/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang không kháng nghị.

Xét kháng cáo của đương sự, đối chiếu với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả đã được thẩm tra công khai chứng cứ tại tòa phúc thẩm, lời khai của các đương sự, ý kiến của Luật sư, của Kiểm sát viên và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện và sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng vụ án:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/4/2018 ông Trần Đức Q, bà Trần Thị Mỹ Lo, bà Trần Thị Mỹ Hu, bà Trần Thị Mỹ Th, bà Dương Thị N, bà Trần Thị Mỹ Ph, bà Trần Thị Mỹ H kháng cáo. Ngày 19/4/2018 bà Trần Thị Mỹ L và bà Trần Thị Mỹ H kháng cáo. Các ông bà đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn ông Trần Đức Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và rút lại một phần yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn bà Trần Thị Mỹ L giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Mỹ Hu, bà Trần Thị Mỹ Th, bà Trần Thị Mỹ H giữ nguyên yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo.

- Bà Trần Thị Mỹ Lo có yêu cầu rút lại yêu cầu kháng cáo.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V có bà Dương Thị N, bà Trần Thị Mỹ Ph, bà Trần Thị Mỹ H giữ nguyên yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện Tịnh B, ông Thái Quốc Ch và bà Nguyễn Thị Hu vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Trần Thị Mỹ L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H ông Hứa Hoàng Ch trình bày quan điểm:

Về đất diện tích 119m² có ½ di sản thừa kế của ông Cao Văn Hư để lại thừa kế, vì trước đó ông Hư và bà Kh đã sinh sống trên mảnh đất này và cất căn nhà lá. Năm 1964 ông Q mới về sống cùng bà Kh mới tạo lập nên căn nhà một trệt một lầu như hiện nay. Việc ông Q yêu cầu chia di sản thừa kế chỉ chấp nhận ½ di sản là đất của bà Kh để lại và căn nhà do ông Q và bà Kh tạo lập. Đối với

căn nhà và đất này hiện nay ông Q đã được các con riêng của ông phụng dưỡng chăm sóc, bà L đang quản lý để thờ cúng cha mẹ, nay cũng gần 60 tuổi, ngoài căn nhà này bà L không còn nơi ở nào khác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho Bà L nhận hiện vật nhà và đất.

Về đất (LNK) tại xã Thới S có nguồn gốc từ số tiền của bà L bỏ ra mua, do hoàn cảnh riêng tư nên nhờ mẹ ruột đứng tên, nay bà L cũng đồng ý chia thừa kế. Tuy nhiên bà L có nhu cầu bốc hài cốt ông, bà cha, mẹ bà về để chôn cất, vì vậy xét về nhu cầu thì nguyện vọng của bà L hoàn toàn chính đáng, bà L nhận hiện vật, hoàn lại kỹ phần cho các thừa kế khác theo đúng quy định.

Về diện tích 11,8m², đất này bà L đã xuất tiền ra mua, đã được xét cấp quyền sở hữu nhà ở vào năm 1991, năm 2004 được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là tài sản riêng của bà L không liên quan đến yêu cầu chia thừa kế.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguồn gốc tài sản, công sức đóng góp của hàng thừa kế để chia theo tỷ lệ hợp lý, tránh cào bằng. Yêu cầu của các người con riêng là không phù hợp, vì không có đóng góp gì trong khối tài sản này, các con đều có nhà cửa ổn định. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, bà H. Đề nghị giá trị di sản tính theo giá bình quân của 03 giá trị mà các bên đã thỏa Thuận thống nhất để tính giá trị di sản của bà Kh chia theo pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm tòa án nhân dân tỉnh An Giang những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, cụ thể:

- Xác định lại ½ diện tích 119 m² (đo đạc thực tế 107,64m²), tọa lạc tổ 11, khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang là di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh.

- Giao toàn bộ căn nhà, gắn liền đất ở (đo đạc thực tế, diện tích 107,64m²), tọa lạc tổ 11, khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và đất vườn diện tích 1.110m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số 01883QSDĐ/Ek, tờ bản đồ 06, thửa 4223, do Lê Thị Kh đứng tên, tọa lạc tại xã Thới S, huyện Tịnh B cho bà L được quyền quản lý, sử dụng.

- Bà L có trách nhiệm hoàn lại kỹ phần thừa kế cho ông Q, bà Hu, bà Th, bà H, ông V (thừa kế của ông V là bà N, chị Ph và chị H) mỗi người được nhận theo giá trị kỹ phần mà các bên đã thống nhất cách tính bình quân để xác định giá trị di sản.

- Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố đòi tài sản là 01 chiếc xe mô tô Dream và chia di sản vàng của bà Kh đối với bà L. Đình chỉ kháng cáo của bà Lo yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Kh.

- Sửa phần án phí, cụ thể buộc ông Q, bà L, bà Hu, bà Th, bà H, ông V (thừa kế của ông V là bà N, chị Ph và chị H) mỗi người phải chịu án phí chia di sản thừa kế đối với kỹ phần mà mình được nhận theo quy định pháp luật. Bà Lo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm

Xét nội dung của vụ án và căn cứ lời khai nhận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, kết quả tranh tụng và ý kiến của Luật sư và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Xác định hàng thừa kế được hưởng di sản của bà Lê Thị Kh:

Bà Lê Thị Kh và ông Cao Văn Hư sống vợ chồng từ năm 1958, ông bà có 02 con là Trần Thị Mỹ L và Trần Thị Mỹ H. Năm 1961 ông Hư chết không có di chúc.

Ông Trần Đức Q và bà Nguyễn Thị M sống vợ chồng có 04 con tên Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thị Mỹ Lo, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thanh V. Năm 1963 bà M chết không có di chúc.

Năm 1964 ông Trần Đức Q về chung sống vợ chồng với bà Lê Thị Kh và dẫn theo 03 con riêng, cùng nhau sinh sống và nhập hộ khẩu thường trú tại căn nhà lợp lá của bà Kh và ông Hư tạo lập tại khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. Quá trình sống chung ông Q chạy xe Daihatshu, bà Kh và các con cùng mua bán cơm tại chợ Nhà B. Vợ chồng cùng nhau yêu thương và nuôi dưỡng các con riêng đến khôn lớn và lập gia đình cho của cải ra sống riêng tư ổn định. Tình cảm cha mẹ với các con và giữa các chị em rất hòa thuận, yêu thương nhau. Xét về thủ tục nhận cha mẹ nuôi giữa ông Q bà Kh với các con riêng chưa thực hiện chỉ mới làm thủ tục đăng ký hộ khẩu thường trú vào năm 1976 chủ hộ là ông Q và vợ và các con, ông bà không có cải chính giấy khai sinh của các con nhưng thực tế các đương sự đã thừa nhận ông Q và bà Kh đã trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, yêu thương dạy dỗ các con riêng của nhau từ còn rất nhỏ đều dưới 15 tuổi nên đủ cơ sở để xác định quan hệ cha mẹ ông Q bà Kh với các con H, Th, V, L, H.

Tuy trong quá trình các đương sự làm giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu gia đình có phát sinh việc thay đổi nhân thân, một người có nhiều họ và nhiều tên gọi khác nhau nhưng theo sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa và xác nhận của cơ quan chức năng đã thể hiện những người thuộc hàng thừa kế được hưởng di sản của bà Lê Thị Kh hiện tại có ông Trần Đức Q là chồng và các con là bà Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thị Mỹ Th và Trần Thanh V.

Bà Trần Thị Mỹ Lo xác định bà được người bà con bên ngoại nhận làm con nuôi từ nhỏ nên không về sống chung với ông Q và bà Kh nhưng bà vẫn

được bà Kh thương như con ruột. Cấp sơ thẩm không công nhận bà Lo là con của bà Kh nên không được hưởng di sản của bà Kh là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lo đã rút lại yêu cầu kháng cáo không yêu cầu được hưởng di sản thừa kế của bà Kh nên được chấp nhận yêu cầu của bà sẽ được đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Kh được thừa hưởng di sản của bà gồm có ông Trần Đức Q, bà Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thanh V. Do ông V chết sau bà Kh nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V được hưởng di sản gồm bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph là có căn cứ. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà L và bà H về hàng thừa kế được hưởng di sản của bà Kh không được chấp nhận xác định bà Th, bà Hu, ông V thuộc hàng thừa kế của bà Kh nên được chia di sản của bà Kh.

Do bà Kh chết không có di chúc nên di sản thừa kế của bà Kh được chia đều 6 phần cho ông ông Trần Đức Q, bà Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thanh V. Do ông V chết nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V gồm bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph do bà N đại diện nhận.

[2] Xác định về di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh:

- Tài sản chung vợ chồng bà Kh ông Q tạo lập trong thời kỳ hôn nhân từ năm 1964 đến 2004 gồm có:

+ 01 căn nhà số 394/ 11 khóm Thới H, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang loại 2,3 xây dựng năm 1990, giá trị còn lại 30%, có cấu trúc khung cột, bê tông cốt thép, gỗ, vách tường, mái bê tông cốt thép, nền lót gạch bông và tráng ximent, diện tích nhà chung 180,44 m² có giá trị theo biên bản định giá ngày 18/7/2018 là 266.437.704 đồng. Tài sản vợ chồng cùng nhau tạo lập chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.

+ Diện tích đất 119m² (ODT) gắn liền căn nhà hiện chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại chợ Nhà B, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Các bên tranh chấp, bà L và bà H kháng cáo cho rằng đây là tài sản chung của ông Hư và bà Kh tạo lập có sẵn trước khi ông Q về sống với bà Kh. Vào năm 2007 bà L đã thỏa thuận với cháu của chủ đất là ông Ch và bà Hu mua đất có giá 5 chỉ vàng 24 Kr, làm giấy tay với nhau nhưng tên người mua đất tên Trần Đức Q. Tại phiên tòa bà L và bà H xác định ông Hư và bà Kh sống chung vợ chồng và sống tại căn nhà lá từ năm 1958 đến năm 1961 ông Hư chết do tử trận, trong quá trình chung sống với nhau 04 năm ông bà không kê khai đóng thuế và không chứng minh được ông bà là người được sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 119m². Ông Thái Quốc Ch chưa chứng minh được ông là người được thừa hưởng hợp pháp đối với di sản đất của ông nội Thái Văn Đ,

ông chưa được cơ quan chức năng công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 119m² nên ông không phải là chủ đất, việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông và bà L là vi phạm nội dung và hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên hợp đồng vô hiệu, do các bên không có yêu cầu tranh chấp nên cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ. Bà L và bà H kháng cáo nhưng không chứng minh được diện tích đất 119 m² là tài sản chung của ông Hư và bà Kh nên không được chấp nhận.

Xét quá trình ông Q và bà Kh sử dụng đất từ năm 1964 đến khi bà Kh chết năm 2004 ông bà đã sử dụng đất ổn định không tranh chấp và ngay tình hơn 30 năm và hiện nay đất ông Q tiếp tục sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang xác nhận diện tích 119m² có ghi vào sổ mục kê ghi tên Trần Đức Q, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết của UBND thị trấn Nhà B, của huyện và đối tượng có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đến liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký. Như vậy đất ông Q và bà Kh đã sử dụng liên tục và ổn định ngay tình nên ông bà trở thành người sử dụng hợp pháp đất này, cấp sơ thẩm xác định nhà và đất là tài sản chung vợ chồng của ông Q và bà Kh là có căn cứ. Tuy nhiên xét về nguồn gốc đất thì bà Kh có công sức tôn tạo đất cùng ông Hư 04 năm nên bà có thời gian quản lý và có công sức tôn tạo đất nhiều hơn ông Q nên bà Kh được xem xét hưởng 60% giá trị đất nhiều hơn ông Q 40% là công bằng, hợp lý.

+ Diện tích đất 1.110m² (LNK) tọa lạc tại xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, bà Lê Thị Kh đứng tên quyền sử dụng đất số 01883 QSDĐ/eK ngày 11/6/1999 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An giang cấp. Đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung vợ chồng của ông Q và bà Kh. Cấp sơ thẩm xác định nhà và đất là tài sản chung vợ chồng của ông Q và bà Kh là có căn cứ.

+ Diện tích nhà gắn liền đất 11,8 m² tại chợ Nhà B, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, hiện bà Trần Thị Mỹ L đứng tên quyền sử dụng đất số 00242 QSD Đ/ka ngày 24/5/2004, hiện bà L sử dụng bán cà phê. Nhà và đất là tài sản tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông Q và bà Kh, gia đình bán cơm để sinh nhai từ năm 1964 cho đến năm 2004 ông bà làm thủ tục tặng cho con là bà L nên đây là tài sản riêng của bà L. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q xác định đây là tài sản riêng của bà L là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q rút lại yêu cầu kháng cáo đối với tài sản này nên yêu cầu kháng cáo sẽ được đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Như vậy, tài sản chung vợ chồng của ông Q và bà Kh gồm có: 01 căn nhà số 394/11 gắn liền diện tích (ODT) 119m² tại thị trấn Nhà B huyện Tịnh B tỉnh

An Giang và diện tích đất 1.110m² (LNK) tọa lạc tại xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Về giá trị tài sản, tại phiên tòa phúc thẩm các bên thỏa thuận thống nhất lấy giá trị bình quân của 03 giá (giá trị tài sản đã được cấp phúc thẩm định giá ngày 18/7/2018, giá trị đất theo kết quả xác minh ngày 27/12/2018 của địa phương và giá trị tài sản theo yêu cầu của ông Q nhà và đất tại chợ Nhà B 1.500.000.000 đồng và đất tại xã Thới S 300.000.000 đồng) là phù hợp và công bằng nên được chấp nhận. Cụ thể như sau:

+ Căn nhà số 394/11 có giá trị 266.437.704 đồng.

+Đất tại chợ Nhà B có giá bình quân: $(5.175.000 \text{ đồng/ } 1\text{m}^2 + 10.000.000 \text{ đồng/ } 1\text{m}^2 + 10.366.000 \text{ đồng/ } 1\text{m}^2) : 3 = 8.513.666 \text{ đồng/ } 1\text{m}^2$ được làm tròn 8.514.000 đồng/1m². Tổng giá trị 119m² là 1.013.166.000 đồng. Giá trị chung nhà và đất số 394/11 là 1.279.603.704 đồng.

+ Đất tại xã Thới S, huyện Tịnh B có giá bình quân: $(36.000 \text{ đồng/ } 1\text{m}^2 + 200.000 \text{ đồng/ } 1\text{m}^2 + 270.270/ 1\text{m}^2) : 3 = 168.756,666 \text{ đồng/ } 1\text{m}^2$ được làm tròn là 168.757 đồng/ 1m². Tổng giá trị 1.110 m² là 187.320.270 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung ông Q được hưởng là: (50% giá trị nhà + 40% giá trị đất gắn liền nhà + 50% giá trị đất Thới Sơn) = 133.218.852 đồng + 405.266.400 đồng + 93.660.135 đồng = 632.145.387 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung bà Kh được hưởng là: (50% giá trị nhà + 60% giá trị đất gắn liền nhà + 50% giá trị đất Thới S) = 133.218.852 đồng + 607.899.600 đồng + 93.660.135 đồng = 834.778.587 đồng.

- *Xác định di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh có giá trị 834.778.587 đồng:*

Di sản thừa kế của bà Kh được chia theo pháp luật do bà không có di chúc được chia làm 6 kỹ phần nên mỗi kỹ phần có giá trị là 139.129.765 đồng.

+ Nhà và đất tại chợ Nhà B diện tích 119m² ông Q yêu cầu được nhận hiện vật xét giá trị tài sản ông được hưởng nhiều nhất và nhà và đất là tài sản chung vợ chồng nên ông được nhận hiện vật nhà và đất số 394/11 là hợp lý nên được chấp nhận. Tổng giá trị nhà và đất ông Q được sở hữu và sử dụng là 1.279.603.704 đồng.

Ông Q phải có trách nhiệm giao lại kỹ phần thừa kế cho hàng thừa kế khác gồm có Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thanh V và Trần Thị Mỹ H mỗi kỹ phần là 139.129.765 đồng.

Do ông V chết nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V gồm bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph do bà N đại diện nhận là 139.129.765 đồng.

+ Bà L có yêu cầu được nhận phần đất 1.110m² tọa lạc tại xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. Xét thấy đất hiện nay bà L đang quản lý mục đích làm nơi chôn cất thân tộc nên giao đất cho bà L sử dụng là hợp lý có giá trị là 187.320.270 đồng.

Bà L được nhận kỹ phần thừa kế là 139.129.765 đồng. Đất có giá trị 187.320.270 đồng, bà L phải có trách nhiệm giao lại cho các hàng thừa kế khác giá trị chênh lệch là 48.190.000 đồng nhưng xét thấy bà L có kháng cáo yêu cầu được xem xét công sức gìn giữ di sản và công sức trực tiếp nuôi dưỡng mẹ. Tại phiên tòa các đương sự có thừa nhận bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng mẹ và quản lý di sản nên yêu cầu kháng cáo của bà được xem xét, bà L được hưởng luôn giá trị chênh lệch này nên không phải giao lại cho hàng thừa kế khác là phù hợp.

Ông Q và bà L tự chịu chi phí làm thủ tục đăng ký xác lập quyền tài sản theo qui định pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng khác:

Cấp phúc thẩm nguyên đơn có đóng tạm ứng chi phí thẩm định định giá như tự nguyện chịu nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do giá trị kỹ phần thừa kế có thay đổi và bà Lo không thuộc hàng thừa kế hưởng di sản thừa kế của bà Kh, cấp phúc thẩm sửa về án phí sơ thẩm cho phù hợp như sau:

- Hoàn trả lại cho ông Trần Đức Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.800.000 (Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu ngày 12/9/2006 của Thi hành án dân sự huyện Tịnh B nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) cho bà Trần Thị Mỹ L được tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 038414 ngày 26/10/2006 của Thi hành án dân sự nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ Lo 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 005399 ngày 27/9/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Ông Trần Đức Q, Bà Trần Thị Mỹ Hu, Bà Trần Thị Mỹ Th, Trần Thị Mỹ H mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 6.956.488 đồng. (Sáu triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng).

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V (gồm Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph) do bà N đại diện phải chịu án phí là 6.956.488 đồng (Sáu triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng).

- Bà Trần Thị Mỹ Lo phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí là 9.366.014 đồng (Chín triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm mười bốn đồng).

Từ những phân tích trên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các đương sự, của Luật sư và thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ông Trần Đức Q là nguyên đơn. Bà Trần Thị Mỹ L là bị đơn. Bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị Mỹ Lo, bà Trần Thị Mỹ Hu, bà Trần Thị Mỹ Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ Ph, bà Trần Thị Mỹ H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V.

- Sửa bản án số 18/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, có nội dung:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Đức Q đối với nhà gắn liền đất diện tích 11.8m² tọa lạc khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ Lo về yêu cầu được nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh.

- Đình chỉ yêu cầu phân tố của bà Trần Thị Mỹ L đối với yêu cầu đòi tài sản là 01 chiếc xe mô tô Dream và chia si sản số vàng của bà Lê Thị Kh.

2. Công nhận ông Trần Đức Q và bà Lê Thị Kh có tạo lập được các tài sản chung:

- Căn nhà số 394/11 gắn liền với đất diện tích 119m² tọa lạc khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Diện tích đất 1.110m² tọa lạc xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Tổng giá trị tài sản chung ông Trần Đức Q được hưởng là: 632.145.387 đồng (Sáu trăm ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng).

- Tổng giá trị tài sản chung bà Lê Thị Kh được hưởng là: 834.778.587 đồng (Tám trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm tám mươi bảy đồng).

3. Công nhận hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Kh hưởng di sản, gồm có:

Ông Trần Đức Q, Bà Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thị Mỹ L, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thị Mỹ H, ông Trần Thanh V.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V có Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph. Người đại diện nhận ký phần thừa kế bà Dương Thị N.

4. Công nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh có giá trị 834.778.587 đồng (Tám trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm tám mươi bảy đồng).

- Di sản thừa kế của bà Lê Thị Kh được chia theo pháp luật chia làm 06 kỹ phần nên mỗi kỹ phần có giá trị là 139.129.765 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu một trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

- Ông Trần Đức Q được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 394/11 chợ Nhà B, khóm Thới H, thị trấn Nhà B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang có giá trị là 1.279.603.704 đồng (Một tỉ hai trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm lẻ ba ngàn bảy trăm lẻ bốn đồng).

- Ông Trần Đức Q phải có trách nhiệm giao lại kỹ phần thừa kế cho hàng thừa kế gồm có Trần Thị Mỹ Hu, Trần Thị Mỹ Th, Trần Thanh V, Trần Thị Mỹ H, bà Dương Thị N mỗi kỹ phần là 139.129.765 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu một trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

- Bà Trần Thị Mỹ L được quyền sử dụng đất, diện tích đất 1.110m² loại đất (CLNK) tại xã Thới S, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang có giá trị 187.320.270 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm hai mươi ngàn hai trăm bảy mươi đồng).

- Ông Trần Đức Q và bà Trần Thị Mỹ L tự chịu chi phí đăng ký xác lập quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với tài sản trên theo qui định của pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Trần Đức Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.800.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 02 ngày 12/9/2006 của Thi hành án dân sự huyện Tịnh B nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) cho bà Trần Thị Mỹ L được tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 038414 ngày

26/10/2006 của Thi hành án dân sự huyện Tịnh B nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ Lo 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 005399 ngày 27/9/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang

- Bà Trần Thị Mỹ Lo phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Đức Q, Bà Trần Thị Mỹ Hu, Bà Trần Thị Mỹ Th, Trần Thị Mỹ H mỗi người phải chịu án phí là 6.956.488 đồng (Sáu triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng).

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh V có bà Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph liên đới chịu án phí là 6.956.488 đồng (Sáu triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng).

- Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí là 9.366.014 đồng (Chín triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm mười bốn đồng).

6. Về chi phí tố tụng khác:

Cấp phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện chịu nên không xem xét.

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Trần Thị Mỹ Hu, theo biên lai thu số 0004149 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Trần Thị Mỹ Th, theo biên lai thu số 0004147 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Trần Thanh V (gồm Dương Thị N, Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Mỹ Ph) theo biên lai thu số 0004146 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Trần Thị Mỹ Lo theo biên lai thu số 0004148 ngày 23/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Trần Thị Mỹ H theo biên lai thu số 0004143 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bà Trần Thị Mỹ L theo biên lai thu số 0004144 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Các nội dung còn lại của bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang được giữ nguyên và có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Huyền Trân